

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

La Thị Quế¹

TÓM TẮT

Chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng pháp luật là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhằm hiện đại hóa quy trình lập pháp, nâng cao hiệu lực quản trị và tăng cường sự tham gia của người dân. Mặc dù đã đạt được một số kết quả như số hóa văn bản dự thảo, tổ chức họp trực tuyến, lấy ý kiến qua nền tảng số, nhưng thực tiễn triển khai vẫn gặp nhiều khó khăn do hạn chế về thể chế pháp lý, hạ tầng công nghệ và năng lực số của đội ngũ cán bộ. Bài viết chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến thực trạng này, đồng thời đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống nhằm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực và thúc đẩy sự minh bạch, hiệu quả trong xây dựng pháp luật. Việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong lập pháp không chỉ là bước đi tất yếu, mà còn là động lực quan trọng góp phần hoàn thiện Nhà nước pháp quyền và thể chế phát triển bền vững ở Việt Nam.

Từ khóa: Chuyển đổi số, xây dựng pháp luật, lập pháp số, thể chế, chính phủ điện tử.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4687.88.06.2026.883>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang lan tỏa mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, chuyển đổi số không chỉ là xu thế tất yếu mà còn trở thành động lực trọng yếu định hình lại kiến trúc quản trị quốc gia, mô hình phát triển kinh tế - xã hội và định hướng cải cách hệ thống pháp luật hiện đại. Đối với Việt Nam, chuyển đổi số ngày càng được xác lập như trụ cột chiến lược trong tiến trình phát triển bền vững, tạo cú hích thúc đẩy đổi mới tư duy quản trị và phương thức vận hành của bộ máy nhà nước theo hướng số hóa, linh hoạt và hiệu quả.

Hướng đến mục tiêu đến năm 2025 đưa Việt Nam trở thành một trong 50 quốc gia dẫn đầu về kinh tế số, xã hội số và quản trị số, Chính phủ đã ban hành hàng loạt chủ trương có tính chiến lược. Trong đó, nổi bật phải kể đến là Chương trình Chuyển đổi số quốc gia năm 2020, xác lập ba trụ cột: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Tiếp đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2024 của Bộ Chính trị một lần nữa khẳng định chuyển đổi số là động lực cốt lõi cho phát triển nhanh, bền vững, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế pháp luật như một nhiệm vụ trung tâm trong cải cách quản trị quốc gia.

¹ Khoa Lý luận chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức; Email: lathique@hdu.edu.vn

Trong tiến trình đó, hoạt động lập pháp giữ vị trí đặc biệt quan trọng. Việc ứng dụng công nghệ số trong xây dựng pháp luật không chỉ mang ý nghĩa công cụ kỹ thuật, mà còn mở ra khả năng kiến tạo một quy trình lập pháp minh bạch, khoa học và có tính phản hồi cao. Tuy vậy, thực tiễn cho thấy hoạt động này vẫn đối mặt với nhiều rào cản như hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, hệ thống dữ liệu pháp lý còn phân mảnh, và năng lực số của đội ngũ cán bộ làm luật chưa đáp ứng yêu cầu. Do đó, việc xây dựng một chiến lược tổng thể, đồng bộ giữa cải cách thể chế, đầu tư hạ tầng số, phát triển nguồn nhân lực và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho số hóa lập pháp là yêu cầu cấp thiết. Đây chính là điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa các mục tiêu chuyển đổi số và kiến tạo nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Bài viết này sẽ phân tích những cơ sở lý luận, thực trạng ứng dụng công nghệ số trong hoạt động xây dựng pháp luật tại Việt Nam, đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình này trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Với mục tiêu nghiên cứu về chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng pháp luật, tác giả đã áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học nhằm đảm bảo tính khách quan, toàn diện và có hệ thống. Cụ thể, bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu chính sau:

Phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu: Thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin từ các nguồn tài liệu thứ cấp như sách, bài báo, báo cáo nghiên cứu, văn bản pháp luật và các tài liệu khoa học liên quan đến chuyển đổi số trong hoạt động lập pháp. Đặc biệt, bài viết tập trung vào các tài liệu về ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), blockchain và các nền tảng số trong quy trình xây dựng pháp luật tại Việt Nam và trên thế giới.

Phương pháp luật học so sánh: So sánh hoạt động xây dựng văn bản pháp luật truyền thống với hoạt động xây dựng pháp luật trong bối cảnh ứng dụng công nghệ 4.0. Đồng thời, bài viết phân tích mô hình chuyển đổi số trong lập pháp của một số quốc gia tiên tiến để rút ra bài học cho Việt Nam.

Phương pháp thống kê: Thu thập, phân tích và tổng hợp số liệu về mức độ ứng dụng công nghệ số trong quy trình lập pháp, bao gồm số lượng văn bản pháp luật được số hóa, mức độ tham gia của người dân vào các nền tảng góp ý chính sách trực tuyến, tỷ lệ văn bản được xây dựng và ban hành thông qua các công cụ số.

Phương pháp dự báo: Trên cơ sở phân tích xu hướng phát triển của công nghệ số và thực trạng ứng dụng tại Việt Nam, bài viết đưa ra các dự báo về sự tác động của chuyển đổi số đến hoạt động lập pháp trong thời gian tới. Qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực số hóa hệ thống pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng chính sách.

Việc kết hợp các phương pháp trên giúp bài viết đánh giá một cách toàn diện về thực trạng, thuận lợi và thách thức của chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật, từ đó đưa ra những kiến nghị phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật

Chuyển đổi số (digital transformation) hiện nay đã trở thành một khái niệm phổ biến trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Có nhiều cách tiếp cận khác nhau trong việc định nghĩa chuyển đổi số. Theo quan điểm của Microsoft: *“chuyển đổi số được hiểu là quá trình tái cấu trúc tư duy về cách thức con người, dữ liệu và quy trình vận hành tương tác với nhau, nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và tạo ra các giá trị mới cho tổ chức”*[9].

Theo “Cẩm nang chuyển đổi số” do bộ Thông tin và Truyền thông phát hành (<https://dx.mic.gov.vn/>) thì: *“Chuyển đổi số là chuyển đổi mô hình hoạt động dựa trên công nghệ số, dữ liệu số. Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số”*[3].

Như vậy, từ cách tiếp cận trên có thể hiểu: chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng pháp luật là quá trình ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số và các nền tảng số để đổi mới toàn diện phương thức xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và đánh giá pháp luật, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính minh bạch của quá trình lập pháp. Theo các chuyên gia quá trình chuyển đổi số được chia làm ba giai đoạn: (i) Số hóa thông tin là chuyển thông tin thực sang dạng số để dễ dàng lưu trữ, tìm kiếm, chia sẻ; (ii) Số hóa quy trình là quá trình chuyển đổi từ quy trình làm việc truyền thống, thủ công sang tự động, bằng cách ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật số; (iii) Số hóa toàn diện là bước mang tính toàn diện và đột phá nhất trong các giai đoạn chuyển đổi số, ở giai đoạn này, công nghệ và các quy trình số hóa sẽ được tích hợp sâu rộng, “len lỏi” vào mọi khía cạnh của tổ chức [16]. Do đó có thể hiểu vấn đề chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật cũng không nằm ngoài quy trình đó: *Thứ nhất, chuyển đổi số thông tin*: Số hóa các dữ liệu, văn bản pháp luật truyền thống sang dạng điện tử, tạo thuận lợi cho việc lưu trữ, tra cứu và sử dụng; *Thứ hai, chuyển đổi số quy trình*: Tái cấu trúc và tối ưu hóa các bước soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định và ban hành pháp luật bằng ứng dụng công nghệ số, giúp tăng tính minh bạch, hiệu quả và tương tác trong quá trình xây dựng pháp luật; *Thứ ba, chuyển đổi số toàn diện*: Toàn bộ hoạt động xây dựng pháp luật được triển khai trong môi trường số thống nhất, tận dụng công nghệ để phân tích dữ liệu lớn, nâng cao khả năng dự báo, kiểm tra, đánh giá, và kịp thời phản ứng trước các biến đổi thực tiễn, đáp ứng hiệu quả yêu cầu phát triển trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

Chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng pháp luật không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là yêu cầu cấp thiết nhằm hiện đại hóa quy trình lập pháp. Việc số hóa thông tin, quy trình và tiến tới chuyển đổi số toàn diện sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính minh bạch và khả năng thích ứng của hệ thống pháp luật trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của công nghệ và xã hội số.

Chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật được thực hiện liên tục qua các giai đoạn**Hình 1. Các giai đoạn chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng luật****3.2. Thực trạng chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng pháp luật tại Việt Nam****3.2.1. Những kết quả đạt được****Thứ nhất về số hóa thông tin**

Số hóa thông tin trong quá trình xây dựng pháp luật, đặc biệt đối với các dự thảo văn bản luật, là bước đi tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả, giảm chi phí và tăng tính minh bạch trong hoạt động lập pháp. Đây là quá trình chuyển đổi dữ liệu từ dạng giấy sang dạng điện tử mà không làm thay đổi nội dung, giúp đơn giản hóa việc lưu trữ, tìm kiếm và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia soạn thảo luật. Chẳng hạn, sử dụng các phần mềm, máy scan để chuyển đổi văn bản giấy sang dạng PDF; chuyển đổi tài liệu thông thường thành dạng văn bản có thể chỉnh sửa và tìm kiếm... Việc số hóa sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho quá trình làm luật bảo đảm hiệu quả. Chẳng hạn, đối với các dự thảo văn bản luật ở dạng vật lý, cán bộ phải mất nhiều thời gian để tổng hợp, tìm kiếm thì khi đã được số hóa, thao tác này sẽ trở nên dễ dàng và đơn giản hơn rất nhiều, vì chỉ với các thiết bị như máy tính, điện thoại, họ có thể truy cập, gửi thông tin bởi bất kỳ đâu.

Thực tế cho thấy, mỗi dự thảo luật lớn trước đây cần in ra hàng ngàn bản để lấy ý kiến. Theo thống kê của Bộ Tư pháp, riêng trong năm 2022, chỉ tính riêng chi phí in ấn phục vụ soạn thảo và lấy ý kiến cho hơn 100 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã tiêu tốn hơn 30 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước [5]. Khi được số hóa, tài liệu có thể được gửi qua email, phần mềm quản lý văn bản hoặc công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử, giúp tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí vận chuyển, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận và góp ý từ người dân. [5]

Việc số hóa cũng tăng hiệu quả tra cứu và xử lý văn bản. Chẳng hạn, hệ thống phần mềm quản lý văn bản tại Văn phòng Quốc hội hiện cho phép tìm kiếm theo từ khóa trong hàng ngàn trang tài liệu chỉ trong vài giây [7]. Điều này hỗ trợ đáng kể cho việc tổng hợp ý kiến, rà soát nội dung, đối chiếu các điều khoản, thay vì phải tra cứu thủ công trong hàng

chục tập hồ sơ giấy như trước. Bên cạnh đó hiện nay việc số hóa mang lại lợi ích lớn môi trường. Theo ước tính của Bộ Thông tin và Truyền thông, việc chuyển đổi số trong hoạt động hành chính công có thể giúp giảm 60-70% lượng giấy sử dụng, tương đương hàng trăm tấn giấy mỗi năm [13].

Thứ hai, về số hóa quy trình

Số hóa quy trình xây dựng pháp luật là bước chuyển từ mô hình truyền thống, thủ công sang quy trình hiện đại, tự động hóa, dựa trên ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ chuỗi hoạt động lập pháp: từ xây dựng đề cương, lấy ý kiến, chỉnh lý, thẩm định đến trình Quốc hội xem xét, thông qua. Trong giai đoạn này, các cơ quan có thẩm quyền có thể tận dụng dữ liệu số hóa từ hồ sơ dự thảo luật để phân tích, đánh giá hiệu quả chính sách, đồng thời cải tiến quy trình lập pháp theo hướng minh bạch, nhanh chóng và có sự tham gia nhiều hơn từ người dân. Theo Báo cáo “Digital Vietnam 2023” của We Are Social và Kepios, có đến 77,93% dân số Việt Nam sử dụng Internet, với hơn 96% người dùng truy cập bằng điện thoại thông minh - một nền tảng thuận lợi để triển khai các công cụ tham gia lập pháp trực tuyến [15]. Chỉ với vài thao tác đơn giản, các đại biểu Quốc hội có thể tổ chức họp, tiếp xúc cử tri trực tuyến mọi lúc, mọi nơi, với chi phí hầu như không đáng kể. Một số địa phương như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội đã triển khai thí điểm tiếp xúc cử tri online, thu hút hàng ngàn lượt người tham gia, thể hiện tính khả thi và hiệu quả của mô hình này [7]. Không chỉ dừng lại ở phương thức kết nối, công nghệ còn mở rộng khả năng tương tác. Ứng dụng trợ lý ảo (chatbot) đang được phát triển trên các Cổng thông tin điện tử như của Bộ Tư pháp hay Văn phòng Quốc hội để trả lời tự động các câu hỏi liên quan đến dự thảo luật, quy trình góp ý, giúp tăng cường tiếp cận thông tin 24/7 [5]. Đặc biệt, việc ứng dụng AI nhận diện giọng nói vào quá trình họp Quốc hội đã giúp việc tách lời phát biểu, tổng hợp ý kiến nhanh hơn, hỗ trợ các cơ quan soạn thảo kịp thời chỉnh lý, tiếp thu nội dung dự thảo văn bản. Đây là bước đột phá để nâng cao chất lượng và hiệu quả của quy trình lập pháp [19]. Nhờ công nghệ số, việc tiếp xúc cử tri được mở rộng cả về hình thức lẫn đối tượng: có thể tổ chức tại xã, phường, thị trấn, ngoài giờ hành chính, và hướng đến những nhóm cử tri chưa từng được tiếp cận như người khuyết tật, công nhân ca đêm... Điều này giúp hạn chế tình trạng “cử tri chuyên nghiệp”, tạo môi trường phản ánh thực chất, gần gũi hơn giữa nhân dân và đại biểu Quốc hội [15] [19].

Thứ ba, số hóa toàn diện

Số hóa toàn diện là bước phát triển cao nhất, mang tính đột phá trong tiến trình chuyển đổi số lĩnh vực xây dựng pháp luật. Không còn dừng lại ở việc ứng dụng công nghệ trong từng khâu riêng lẻ, giai đoạn này đòi hỏi công nghệ số phải thâm nhập toàn diện, đồng bộ vào mọi mắt xích trong quy trình lập pháp: từ khâu đề xuất chính sách, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra đến công bố, theo dõi thi hành pháp luật. Đây không chỉ là sự thay đổi về công cụ, mà còn là cuộc cách mạng về phương thức vận hành, hướng đến một mô hình “sản xuất pháp luật số”, trong đó dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây, blockchain... đóng vai trò trung tâm. Ở giai đoạn này chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng luật cần được thực hiện đồng bộ, ở tất cả các cơ quan trung ương cũng như địa phương với quyết tâm lớn của lãnh đạo cũng như thay đổi tư duy, phương thức làm việc của mỗi cán bộ, công chức.

Phát biểu tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2023, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng nhấn mạnh: “*Chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ, mà là thay đổi phương thức sản xuất, tổ chức và vận hành của toàn xã hội*”[4]. Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy chuyển đổi số trong hoạt động lập pháp đã có những bước tiến rõ rệt. Điển hình, các hồ sơ dự án luật như dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Cấp, thoát nước, Luật Nhà giáo... đã được số hóa và công khai trên Cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến rộng rãi của người dân và các tổ chức liên quan.

Một dấu mốc quan trọng là từ kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV (năm 2020), lần đầu tiên trong lịch sử hơn 70 năm, Quốc hội Việt Nam tiến hành họp trực tuyến toàn phần trong 2 tuần liên tục, tạo tiền đề cho mô hình “Quốc hội số” sau này. Từ đó đến nay, hình thức họp trực tuyến, biểu quyết điện tử, đăng ký phát biểu qua hệ thống số đã trở thành phổ biến trong các kỳ họp. Đặc biệt, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV, lần đầu tiên Quốc hội áp dụng biểu quyết điện tử và ghi âm tự động phát biểu của đại biểu, nâng cao tính minh bạch và khả năng tổng hợp, phản hồi thông tin. Ngoài ra, đại biểu Quốc hội cũng chủ động tiếp xúc cử tri theo hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến, mở rộng đối tượng tiếp cận và giảm thiểu tình trạng “cử tri hình thức”. Quốc hội được đánh giá là một trong những cơ quan nhà nước đi đầu trong ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần nâng cao chất lượng thảo luận, tiếp thu, chỉnh lý và ban hành luật [17].

Tuy nhiên, để chuyển đổi số thực sự hiệu quả, cần có sự vào cuộc đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, cùng với đó là sự chuyển đổi tư duy, phương thức làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức. Chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật cũng phải song hành với xây dựng công dân số và xã hội số, tạo nền tảng tương tác hai chiều giữa Nhà nước và nhân dân, thúc đẩy dân chủ, minh bạch và hiệu quả quản trị công.

3.2.2. Những hạn chế bất cập, khó khăn

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, hoạt động xây dựng pháp luật hiện nay vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong việc ứng dụng công nghệ số, cụ thể như sau:

Số hóa hồ sơ chậm, thiếu đồng bộ và chưa phát huy hiệu quả thực chất: Việc số hóa dữ liệu pháp lý chưa được thực hiện đầy đủ, đồng bộ, dẫn đến tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu còn rất thấp. Theo báo cáo của Bộ Tư pháp (tháng 11/2023), mới chỉ có 47% hồ sơ, tài liệu pháp lý được số hóa và trong số đó, chỉ khoảng 18% được tái sử dụng trong quá trình xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành và địa phương cũng còn hạn chế. Hiện tại, chỉ khoảng 60% trạng thái xử lý hồ sơ được cập nhật đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử - một con số còn thấp so với yêu cầu minh bạch và theo dõi tiến độ văn bản trong môi trường số [6].

Thiếu kho dữ liệu dùng chung phục vụ hoạt động lập pháp: Hiện chưa có một kho lưu trữ điện tử dùng chung cho toàn bộ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm lịch sử tiếp thu, giải trình, chỉnh lý. Việc này gây khó khăn lớn trong việc tra cứu, đánh giá quá trình hình thành các quy định, đồng thời hạn chế khả năng kế thừa và sửa đổi văn bản trong tương lai. Điều này đi ngược với định hướng phát triển “kho dữ liệu lập pháp quốc gia” mà nhiều quốc gia trên thế giới đã thực hiện để hỗ trợ công tác nghiên cứu, sửa đổi luật.

Rà soát văn bản vẫn thực hiện thủ công, thiếu hỗ trợ của AI: Công tác rà soát, kiểm tra tính thống nhất, hợp hiến và đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật hiện vẫn thực hiện chủ yếu thủ công. Theo Bộ Tư pháp, mỗi đợt rà soát hệ thống văn bản cấp bộ thường kéo dài từ 3 đến 6 tháng do phải tra cứu, đối chiếu thủ công. Việc chưa ứng dụng các công nghệ như AI hoặc các hệ thống phân tích dữ liệu pháp lý đã làm giảm đáng kể hiệu quả và tốc độ trong công tác rà soát.

Quá trình lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến góp ý chưa được số hóa hiệu quả: Công tác lấy ý kiến góp ý hiện còn thủ công, phần lớn ý kiến được gửi qua văn bản giấy hoặc email, gây khó khăn lớn trong tổng hợp, phân loại và phản hồi. Người soạn thảo phải nhập lại từng ý kiến vào báo cáo giải trình, gây áp lực lớn về thời gian. Theo thống kê từ Bộ Tư pháp, trong một số dự án luật lớn như Luật Đất đai (sửa đổi), đã có trên 12 triệu lượt ý kiến góp ý, đòi hỏi một hệ thống phân tích dữ liệu hiện đại để có thể tổng hợp chính xác và đầy đủ. [6]

3.2.3. Nguyên nhân của hạn chế

Thực trạng nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân cơ bản sau:

Cơ sở pháp lý chưa quy định cụ thể về vấn đề chuyển đổi số: Mặc dù Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 đã có bước tiến khi lần đầu tiên ghi nhận nguyên tắc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật tuy nhiên một số quy định pháp lý hiện hành vẫn bộc lộ vướng mắc, cụ thể:

Điều 30 của Luật quy định về lấy ý kiến và tham vấn chính sách cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng văn bản, tuy nhiên không bắt buộc thực hiện thông qua nền tảng góp ý điện tử chuyên dụng. Quy định này khiến cho việc góp ý vẫn thực hiện chủ yếu qua văn bản giấy, thư điện tử rời rạc, làm giảm hiệu quả tổng hợp, phân tích dữ liệu và tính minh bạch trong tiếp thu, phản hồi.

Điều 66 mới chỉ mang tính nguyên tắc, định hướng, mà chưa cụ thể hóa các bước triển khai chuyển đổi số trong từng giai đoạn của quy trình lập pháp như: lập đề nghị, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, lấy ý kiến, tiếp thu, chỉnh lý và ban hành văn bản và không đề cập đến việc bắt buộc số hóa tài liệu hay sử dụng phần mềm, nền tảng công nghệ trong các khâu này. Điều 66 cũng đề cập đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, tuy nhiên nội dung chủ yếu chỉ tập trung vào việc đăng tải các văn bản đã được ban hành, mà chưa bao gồm toàn bộ dữ liệu liên quan đến quá trình xây dựng, góp ý và chỉnh lý chính sách, vốn là các bước quan trọng để đánh giá tính minh bạch và khoa học trong quy trình lập pháp.

Thiếu sự đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và nhân lực

Nhiều bộ, ngành, địa phương chưa có hệ thống máy móc, thiết bị chuyên dụng (như máy scan khổ lớn, phần mềm nhận dạng văn bản, phần mềm soạn thảo văn bản chuyên biệt phục vụ theo dõi chỉnh lý văn bản pháp quy...).

Nhận thức và quyết tâm chính trị chưa đồng đều

Ở một số nơi, việc chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật vẫn bị xem là công việc kỹ thuật, không phải là yêu cầu chiến lược, nên chưa có sự vào cuộc mạnh mẽ từ cấp lãnh đạo.

Nhân sự làm công tác pháp chế còn thiếu năng lực số, chưa được đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin và khai thác dữ liệu pháp lý điện tử.

Thiếu các chỉ tiêu bắt buộc, chế tài kiểm tra, giám sát hiệu quả thực hiện chuyển đổi số trong công tác lập pháp.

3.3. Quan điểm và một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay

3.3.1. Quan điểm về chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có lĩnh vực xây dựng pháp luật. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách lớn để định hướng và chỉ đạo toàn diện quá trình chuyển đổi số quốc gia, gắn chặt với cải cách thể chế và nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, bao gồm cả lĩnh vực lập pháp.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: *“Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số là một trong ba đột phá chiến lược quan trọng nhằm phát triển đất nước nhanh và bền vững trong thời kỳ mới”*. Điều này cho thấy chuyển đổi số không chỉ là mục tiêu công nghệ, mà còn là định hướng chiến lược về đổi mới phương thức quản trị, trong đó có hoạt động xây dựng pháp luật.

Ngoài ra, Nghị quyết 52-NQ/TW năm 2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng chỉ rõ: *“Phát triển chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước”* - đặt nền tảng thúc đẩy hoạt động lập pháp thông minh, hiệu quả, hiện đại hơn.

Đặc biệt, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 10/8/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã nhấn mạnh: *“Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia”*. Trong đó, nhấn mạnh việc thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Quốc hội, trong đó bao gồm cả việc ứng dụng công nghệ trong quá trình xây dựng pháp luật.

Trên phương diện pháp lý, thời gian qua nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành nhằm tạo hành lang pháp lý cho chuyển đổi số trong hoạt động lập pháp: Luật Giao dịch điện tử năm 2023: Khẳng định giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử, chữ ký số, hợp đồng điện tử trong hoạt động hành chính, pháp lý, mở đường cho việc số hóa quy trình lập pháp và ban hành văn bản pháp luật; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2024: Đảm bảo quyền riêng tư, an toàn dữ liệu cá nhân trong môi trường số - điều kiện tiên quyết để người dân tham gia góp ý, phản biện luật pháp qua nền tảng số mà không lo bị xâm phạm quyền lợi; Luật Công nghệ thông tin (sửa đổi năm 2024): Mở rộng phạm vi và nội dung ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong đó có các cơ quan lập pháp; Luật Ban hành văn

bản quy phạm pháp luật năm 2025: lần đầu tiên ghi nhận nguyên tắc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Chiến lược quốc gia về Chính phủ số đến năm 2030: Định hướng rõ việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động xây dựng pháp luật, trong đó yêu cầu “số hóa toàn bộ quy trình xây dựng, thẩm định, thông qua và công bố văn bản quy phạm pháp luật”.

Như vậy, từ định hướng của Đảng đến cơ sở pháp lý và thực tiễn triển khai, có thể khẳng định: chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật ở Việt Nam không còn là một lựa chọn, mà là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp thiết trong bối cảnh đổi mới quản trị quốc gia. Đòi hỏi phải có sự đồng bộ từ tư duy đến thể chế và hành động thực tiễn.

3.3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả vận dụng chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, Đổi mới tư duy pháp lý, xác lập quyết tâm chính trị cao trong lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số trong xây dựng pháp luật

Chuyển đổi số trong lập pháp là một quá trình phức hợp, đòi hỏi trước tiên phải có sự đổi mới mạnh mẽ trong tư duy của các chủ thể có thẩm quyền, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan lập pháp, cơ quan soạn thảo, thẩm tra, và các đại biểu Quốc hội. Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng nhấn mạnh, chuyển đổi số thành công 80% là do nhận thức, thể chế, chính sách và 20% là do công nghệ. Chuyển đổi số cần cách tư duy mới và hành động mới, nhất là người đứng đầu [18]

Từ chỗ tiếp cận xây dựng pháp luật theo phương thức truyền thống, cần chuyển sang tư duy quản trị hiện đại, lấy dữ liệu và công nghệ số làm nền tảng cho việc ra quyết định pháp lý. Quyết tâm chính trị rõ ràng, mạnh mẽ sẽ là động lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số được thực hiện một cách đồng bộ, nhất quán và hiệu quả.

Thứ hai, giải pháp hoàn thiện thể chế, khung pháp lý

Cần quy định, hướng dẫn cụ thể Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo hướng: 1) Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 30 theo hướng bắt buộc lấy ý kiến qua nền tảng điện tử chuyên dụng đồng thời công khai kết quả xử lý, tiếp thu ý kiến trên cổng góp ý pháp luật trực tuyến. Tuy nhiên, để bảo đảm tính toàn diện và không loại trừ các nhóm đối tượng không có điều kiện truy cập hoặc sử dụng công nghệ thì có thể thiết lập điểm truy cập góp ý công cộng nơi người dân có thể được hỗ trợ gửi ý kiến lên nền tảng điện tử; 2) Cần ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết khoản 2 Điều 66 Luật 64/2025/QH15, trong đó quy định bắt buộc số hóa hồ sơ, sử dụng phần mềm trong từng giai đoạn lập pháp; Mở rộng chức năng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật về việc bổ sung quy định yêu cầu cập nhật đầy đủ dữ liệu về quá trình xây dựng, góp ý, chỉnh lý văn bản; thiết lập hệ thống cho phép truy vết lịch sử chỉnh sửa, góp ý và tiếp thu giải trình dự thảo.

Thứ ba, nâng cao năng lực chuyển đổi số đối với tất cả các chủ thể có thẩm quyền trong xây dựng luật.

Chuyển đổi số thành công đòi hỏi sự sẵn sàng về mặt năng lực của đội ngũ cán bộ làm luật. Trong đó, đại biểu Quốc hội - với vai trò trung tâm trong quy trình lập pháp - cần được trang bị kiến thức sâu rộng về công nghệ, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, blockchain, an ninh

mạng... để có thể đánh giá chính sách một cách toàn diện trong bối cảnh mới. Việc xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng pháp lý số cần được thực hiện bài bản, liên tục và cập nhật nhanh chóng. Đại biểu Quốc hội không chỉ là người đại diện cho ý chí nhân dân, mà còn cần trở thành những nhà hoạch định chính sách có khả năng tư duy số, tư duy phân tích dữ liệu và tư duy dự báo. Bên cạnh đào tạo đối với đại biểu Quốc hội, cần có chương trình bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ pháp chế tại các bộ, ngành, địa phương, nhất là những người trực tiếp tham gia soạn thảo, thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật. Việc nâng cao năng lực số cần được xem là yếu tố then chốt bên cạnh yếu tố thể chế.

Thứ tư, Đầu tư phát triển hạ tầng số và tăng cường hợp tác quốc tế trong xây dựng pháp luật số

Hạ tầng công nghệ thông tin là nền tảng thiết yếu để thúc đẩy chuyển đổi số trong lập pháp. Việt Nam cần hoàn thiện hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu điện tử và nền tảng chia sẻ thông tin giữa các cơ quan liên quan. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy đầu tư bài bản vào hạ tầng và hợp tác quốc tế là yếu tố quyết định thành công: Estonia xây dựng hệ thống e-Law và X-Road cho phép liên thông dữ liệu lập pháp; Phần Lan ứng dụng trí tuệ nhân tạo để rà soát mâu thuẫn pháp lý; Hàn Quốc triển khai nền tảng góp ý luật trực tuyến với khả năng phân tích dữ liệu theo thời gian thực. Việt Nam có thể tham khảo các mô hình này để thiết kế hạ tầng lập pháp số linh hoạt, tích hợp và thúc đẩy hợp tác quốc tế trong chuyển giao công nghệ, xây dựng chuẩn dữ liệu pháp lý dùng chung.

4. KẾT LUẬN

Ngày 21/10/2024, tại phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã chỉ ra ba điểm nghẽn lớn nhất hiện nay: thể chế, hạ tầng và nhân lực. Trong đó, ông nhấn mạnh thể chế chính là 'điểm nghẽn của điểm nghẽn', đặc biệt là công tác xây dựng pháp luật còn chưa theo kịp yêu cầu phát triển thực tiễn. Vì vậy, đổi mới mạnh mẽ hoạt động lập pháp là yêu cầu cấp thiết, trong đó cần chuyển từ tư duy xây dựng luật chỉ để quản lý sang tư duy xây dựng luật vừa bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước, vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, giải phóng mọi nguồn lực, khơi thông sức sản xuất phục vụ phát triển quốc gia.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng pháp luật không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là động lực quan trọng để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác lập pháp. Việc ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào quy trình xây dựng, thẩm định, phản biện và phổ biến pháp luật sẽ góp phần hiện đại hóa thể chế, tạo sự minh bạch, đồng thời tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Đây cũng là một nội dung thiết thực để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, từ đó góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng và pháp luật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2019), *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.
- [2] Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 10/8/2024 về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- [3] Bộ Thông tin và Truyền thông (2020), *Cẩm nang chuyển đổi số quốc gia*, truy cập tại: <https://dx.mic.gov.vn/>.
- [4] Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), *Phát biểu của Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm 2023*, trích dẫn từ Cổng Thông tin điện tử Bộ TT&TT, truy cập tại: <https://mic.gov.vn/Pages/TinTuc/154542/phan-bieu-cua-bo-truong-nguyen-manh-hung-ve-chuyen-doi-so.html>.
- [5] Bộ Tư pháp (2022), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 của Bộ Tư pháp*, truy cập tại: <https://moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin-tuc.aspx?ItemID=3992>.
- [6] Bộ Tư pháp (2023), *Báo cáo tổng kết công tác pháp chế và xây dựng pháp luật năm 2023*, Hà Nội.
- [7] Cổng thông tin điện tử Văn phòng Quốc hội (2023), *Thông tin hoạt động của Quốc hội*, truy cập tại: <https://vpqhvietsnam.gov.vn/tin-tuc/da-bieu-quoc-hoi-tiep-xuc-cu-tri-truc-tuyen.html>.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [9] Microsoft (n.d), *Digital Transformation Definition and Strategy*, trích dịch từ tài liệu nội bộ Microsoft, truy cập tại: <https://salesdesign.vn/chuyen-doi-so/>.
- [10] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2023), *Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi)*, số 20/2023/QH15, thông qua ngày 22/6/2023.
- [11] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2024), *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân*, số 10/2024/QH15, thông qua ngày 15/1/2024.
- [12] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2025), *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [13] Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- [14] Văn phòng Quốc hội (2020-2024), *Các kỳ họp Quốc hội khóa XIV, XV: Biểu quyết điện tử, họp trực tuyến và đổi mới quy trình lập pháp*, truy cập tại: <https://quochoi.vn>.
- [15] We Are Social, Kepios (2023), *Báo cáo Digital Vietnam 2023*, truy cập tại: <https://datareportal.com/reports/digital-2023-vietnam>.
- [16] 1Office (n.d), *Chuyển đổi số là gì*, truy cập tại: <https://1office.vn/chuyen-doi-so-la-gi>.

- [17] VOV.VN (2023), *Quốc hội kỳ họp thứ 2 khóa XV thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện*, truy cập tại: <https://vov.vn/chinh-tri/quoc-hoi-ky-hop-thu-2-khoa-xv-thuc-day-chuyen-doi-so-toan-dien-891535.vov>.
- [18] Bộ Nội vụ (2024), *Tọa đàm vai trò của chuyển đổi số đối với cán bộ, công chức*, truy cập tại: <https://moha.gov.vn/chuyen-doi-so/chuyen-doi-so/tap-huan---toa-dam-vai-tro-cua-chuyen-doi-so-doi-v-d956-t43161.html>.
- [19] Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), *Ứng dụng AI hỗ trợ họp Quốc hội*, truy cập tại: <https://mic.gov.vn/Pages/TinTuc/150026/ung-dung-ai-ho-tro-hop-quoc-hoi.html>.

DIGITAL TRANSFORMATION IN LEGISLATIVE ACTIVITIES - EMERGING ISSUES FOR VIETNAM IN THE CURRENT PERIOD

La Thi Que

ABSTRACT

Digital transformation in legislative activities is an urgent demand in the context of the Fourth Industrial Revolution. It aims to modernize law-making processes, improve governance efficiency, and enhance public participation. Despite some progress-such as digitizing draft documents, organizing online consultations, and using digital platforms for public feedback-implementation still faces obstacles due to institutional, infrastructural, and human capacity limitations. This paper identifies key challenges, analyzes the current legal and technical conditions, and proposes systematic solutions, including improving the legal framework, upgrading digital infrastructure, and enhancing the digital skills of legislative personnel. Promoting digital transformation in law-making is not only essential but also a strategic driver in building a modern rule-of-law state and a transparent, responsive legal system in Vietnam.

Keywords: *Digital transformation, legal development, digital legislation, institutions, e-government.*

* Ngày nộp bài: 16/4/2025; Ngày gửi phản biện: 12/5/2025; Ngày duyệt đăng: 30/6/2026